

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2023

V/v tranh chấp: Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc**
- Ông **Võ Khắc Chương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Lan Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Bảng** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 418/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Nguyên T**, sinh năm 1993.

Trú tại: Số B, đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

2. Bị đơn: Ông **Võ Thái N**, sinh năm 1991.

Trú tại: Số A, đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/9/2022, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Nguyên T trình bày: Bà và ông Võ Thái N kết hôn vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân giữa ông bà hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng cùng chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 chuyển về sinh sống tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá

trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng mâu thuẫn về tài chính, bất đồng ý kiến về định hướng tương lai, ông N có đánh đập bà nhiều lần gây thương tích. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 06/02/2022, trong thời gian này vợ chồng chỉ liên lạc giải quyết những vấn đề liên quan đến con, ông N có đến thăm nom con và chu cấp cho con với số tiền 5.000.000đ, ông N muốn vợ chồng quay lại nhưng tình trạng hôn nhân không được cải thiện. Hiện nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng không thể tiếp tục chung sống và duy trì quan hệ hôn nhân nên bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Thái N.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Võ Tùy P, sinh ngày 12/10/2020. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu P cho đến ngày thành niên và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay bà là tiếp viên hàng không thu nhập trên 16.000.000đ/tháng, từ tháng 7 năm 2022 bà chuyển đến làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh nên cháu P do cha mẹ bà trực tiếp nuôi dưỡng; ông N không trực tiếp nuôi dưỡng con từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, bạo lực gia đình, không đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Thái N tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông bà hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 2 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do bà T làm đơn ly hôn, ông không biết lý do và không tìm hiểu nguyên nhân vì chỉ nghĩ vợ chồng có thời gian thông thả thoải mái sống; giữa vợ chồng có xảy ra xung đột bà T có gây áp lực và gây thương tích cho ông. Hiện nay vợ chồng không cùng chung sống, bà T không có thiện chí hòa giải, cương quyết ly hôn. Ông rất thương vợ, thương con, mong muốn vợ chồng cùng chung sống để chia sẻ, chăm sóc con nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Võ Tùy P, sinh ngày 12/10/2020 không do bà T trực tiếp nuôi dưỡng mà hiện đang ở cùng ông bà ngoại; trong thời gian vợ chồng ly thân ông thường xuyên đến thăm con và có gửi tiền, mua tã, sữa, đồ chơi cho con. Khi ly hôn, ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến ngày thành niên; hiện nay ông làm công việc buôn bán với thu nhập 8.000.000đ/tháng, có thời gian đảm bảo việc chăm sóc con và có nhà riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định vợ chồng có góp số tiền 500.000.000đ vào mua căn nhà số 288 đường T, thị trấn L, huyện Đ; nữ trang và tiền riêng giá trị khoảng 100.000.000đ nên bà T có trách nhiệm trả cho ông tổng cộng 600.000.000đ; ông bà tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và không giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt và thông báo kết quả phiên họp cho ông N được biết. Do ông N vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn yêu cầu hòa giải, đoàn tụ gia đình và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều 28, 29, 39, 40 và 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc tham gia tư cách tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định từ Điều 93 đến Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý và các văn bản khác liên quan cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng đồng thời tổng đạt cho các đương sự trong vụ án đúng quy định tại Điều 195, 196 và 197 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã đầy đủ, đúng thành phần và thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Nguyên T, cho bà Nguyễn Nguyên T được ly hôn ông Võ Thái N. Về con chung: giao bà Nguyễn Nguyên T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Tùy P, sinh ngày 12/10/2020 cho đến ngày thành niên; về tài sản chung, nợ chung ông bà không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xác định đây là vụ án “*Ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Nguyên T và bị đơn ông Võ Thái N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Nguyên T và ông Võ Thái N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình ông bà chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2022. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày do vợ chồng mâu thuẫn về tài chính, bất đồng ý kiến về định kiến tương lai, bị đơn bạo lực nên cuộc sống chung không hòa hợp, không có hạnh phúc, tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn được đến nay vợ chồng không thể tiếp tục chung sống và duy trì quan hệ hôn nhân. Bị đơn có yêu cầu hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng trong quá trình giải quyết vụ án không đến tòa án làm việc, không tham gia phiên hòa giải thể hiện không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có biện pháp, phương hướng giải quyết mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Nguyên T và ông Võ Thái N hiện nay mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã chấm dứt cuộc sống chung không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau; vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Nguyên T được ly hôn ông Võ Thái N là phù hợp và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung Võ Tùy P, sinh ngày 12/10/2020 nên ông bà đều có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy ông bà đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên trong quá trình vợ chồng cùng chung sống nguyên đơn là người trực tiếp chăm sóc con chung; hiện nay cháu Võ Tùy P chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nên để ổn định cuộc sống, đảm bảo điều kiện phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của con chung cần giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu P cho đến ngày thành niên là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa ông N trình bày tài sản chung của vợ chồng gồm 500.000.000đ góp vào mua nhà tại số 288 đường T, thị trấn L và nữ trang, tiền mặt giá trị 100.000.000đ; ông xuất trình chứng cứ là đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông và mẹ vợ bà Nguyễn Hồng T1 về số tiền góp mua nhà nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ minh tài sản trên của vợ chồng, đồng thời bà T không thừa nhận vợ chồng có tài sản chung và không

đồng ý với yêu cầu của ông N. Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trong trường hợp ông N có yêu cầu chia tài sản chung với bà T, tranh chấp về tài sản với bà Nguyễn Hồng T1 thì có quyền làm đơn yêu cầu giải quyết trong vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Nguyên T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Nguyên T về việc ly hôn, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Nguyên T và ông Võ Thái N.

2. Về con chung:

Giao bà Nguyễn Nguyên T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Tùy P, sinh ngày 12/10/2020 cho đến ngày thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Nguyên T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008174 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Nguyên T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- UBND TT L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hạnh